TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày 04/5/2022
"V/v Tranh chấp về nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Sô Tha.

Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Hạnh là Thư ký Tòa án.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 183/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc "V/v Tranh chấp về nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo thủ tục rút gọn.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Ông Sơn R, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Giồng C, xã L, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn: Bà Thạch Thị Sa V, sinh năm 1974 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã L, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2022 và bản tự khai của nguyên đơn ông Sơn R trình bày: Do quen biết trước và qua thời gian tìm hiểu nên ông Sơn R và bà Thạch Thị Sa V tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chúng tôi về chung sống với nhau ở ấp Giồng C, xã L, vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, luôn quan tâm chăm sóc lẫn nhau đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng thường cải nhau do bất hòa trong cuộc sống, chúng tôi vì muốn gìn giữ hạnh phúc gia đình nên cố gắng nhường nhịn nhau để có cuộc sống êm ấm nhưng không có kết quả, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ đó, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà Sa V về nhà cha mẹ ruột ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2016 cho đến nay, từ ly thân hai bên có tạo điều kiện hàn gắn vẫn không có kết quả. Đến nay nhận thấy giữa vợ chồng ly thân đã lâu, không thể hàn gắn được, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông R yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Sa V.

Về con chung: Tên Sơn T, sinh năm 2005, ông R yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu bà Sa V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/4/2022 bị đơn bà Thạch Thị Sa V trình bày: Do quen biết và qua thời gian tìm hiểu nên bà và ông Sơn R tự nguyện tiến tới hôn nhân nhưng không tổ chức lễ cưới theo phong tục và cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chúng tôi về chung sống với nhau ở ấp G, xã L, vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, luôn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đến năm 2016 thì giữa chúng tôi phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất hòa trong cuộc sống, chúng tôi vì muốn gìn giữ hạnh phúc gia đình nên cố gắng nhường nhịn nhau để có cuộc sống êm ấm nhưng không có kết quả, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ đó, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên tôi đã về nhà cha mẹ ruột ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2016 cho đến nay. Nay nhận thấy giữa vợ chồng ly thân đã lâu, không thể hàn gắn được, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà cũng đồng ý ly hôn với ông R.

Quá trình chung sống có 01 con chung tên Sơn T sinh năm 2005, hiện đang sống cùng với ông R nên bà Sa V đồng ý để ông R được tiếp tục nuôi con chung và bà Sa V không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của cháu Sơn T là muốn được ở cùng với ông Sơn R.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh thụ lý vụ án theo thủ tục rút gọn, nên đã đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định. Do nguyên đơn ông Sơn R và bà Thạch Thị Sa V đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông R và bà Sa V theo quy định tại Điều 318, 320 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Sơn R và bà Thạch Thị Sa V tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2004 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu rất hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì giữa các bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, việc này cả ông R và bà Sa V đều thừa nhận nên cả ông ông R và bà Sa V đều yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông, bà là vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ". Đối chiếu với trường hợp của ông R và bà Sa V sống

chung với nhau như vợ chồng từ năm 2004 cho đến nay mà không có đăng ký kết hôn, nay có yêu cầu ly hôn, Tòa án không công nhận ông Sơn R và bà Thạch Thị Sa V là vợ chồng.

[3] Về con chung: có 01 người con chung tên Sơn T, sinh năm 2005. Ông R yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và bà Sa V cũng đồng ý giao cho R nuôi con (Phù hợp với nguyện vọng của cháu T là muốn được ở cùng với cha) và ông R không yêu cầu bà Sa V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Sơn R và bà Thạch Thị Sa V xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Sơn R là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 147; các Điều 227, 228, 254; 320; 321 và Điều 322 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 53 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không công nhận ông Sơn R và bà Thạch Thị Sa V là vợ chồng.

2/ Về con chung: Giao con chung là Sơn T, sinh ngày 07/11/2005 cho ông Sơn R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông R không yêu cầu bà Sa V cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không xem xét

4/ Về án phí: Ông Sơn R phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Sơn R đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009618 ngày 19/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Ông

Sơn R được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

5/ Quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 07 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Trà Vinh;
-VKSND huyện Trà Cú;
-Chi Cục THADS huyện Trà Cú;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Sơn Thị Sô Tha